

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**DỰ THẢO**

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG**

**CHÍNH SÁCH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT QUỐC HỘI**

**VỀ PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON CHO TRẺ EM MẪU GIÁO  
TỪ 3 ĐẾN 5 TUỔI**

*Hà Nội, tháng 5 năm 2024*

*Hà Nội, ngày      tháng      năm 2024*

**BÁO CÁO**  
**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH TRONG XÂY DỰNG**  
**NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI VỀ PHỔ CẬP GIÁO DỤC**  
**MẦM NON CHO TRẺ EM MẪU GIÁO TỪ 3 ĐẾN 5 TUỔI**

**I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN**

**1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Giáo dục mầm non (GDMN) đã hoàn thành một số mục tiêu của Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011-2020 theo Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2020 “Hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi vào năm 2015; đến năm 2020, có 80% trong độ tuổi mẫu giáo được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng trong các cơ sở giáo dục mầm non giảm xuống dưới 10%”<sup>1</sup>.

Thông qua các Chương trình, Đề án, Chính sách đầu tư của Chính phủ, chính quyền các địa phương; sự phối hợp của các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội; các tổ chức, cá nhân và nhân dân, GDMN đã có những bước phát triển vượt bậc. Từ cấp học còn nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, đội ngũ, mạng lưới trường lớp chưa được quan tâm quy hoạch, đến nay, GDMN đã có bước phát triển khá toàn diện về quy mô, mạng lưới trường, lớp được mở rộng. GDMN công lập được sắp xếp phù hợp với tình hình địa phương, giáo dục mầm non ngoài công lập được tạo điều kiện để phát triển góp phần đa dạng hóa loại hình trường lớp. Chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo (quy định tại Quyết định 239/QĐ-TTg, tiếp nối bởi Nghị định số 06/2018/NĐ-CP và Nghị định 105/2020/NĐ-CP) đã tác động sâu sắc đối với việc phát triển GDMN vùng khó khăn, vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, ven biển, hải đảo (gọi chung là vùng khó khăn), từ đó góp phần tăng tỉ lệ huy động trẻ đến trường, tăng tỉ lệ trẻ được chăm sóc giáo dục 2 buổi/ngày, đồng thời, nâng cao tỷ lệ chuyên cần của trẻ mẫu giáo, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng. Chính sách hỗ trợ giáo viên mầm non dạy tăng cường tiếng Việt trong các điểm lẻ tại cơ sở GDMN công lập vùng khó khăn, miền núi, dân tộc thiểu số và một số chính sách của Nghị định 105, những nhiệm vụ và chính sách hỗ trợ của Đề án 1008 đã góp phần ổn định đời sống, hỗ trợ, giúp giáo viên yên tâm công tác, gắn bó với nghề. Một số địa phương cũng đã ban hành thêm một số văn bản quy định chế độ chính sách hỗ trợ giáo viên (hỗ trợ tiền trực trưa, hỗ trợ giáo viên mới vào nghề...). Chính phủ cũng đã quan tâm đầu tư CSVC, lồng ghép từ nhiều nguồn vốn

---

<sup>1</sup> Mục tiêu đến năm 2020 có ít nhất 30% trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ chưa đạt, thiếu 1,8%.

tập trung cho các cơ sở GDMN vùng khó khăn để bảo đảm các điều kiện cho trẻ em tới trường.

Hàng năm, có trên 5,3 triệu trẻ mầm non được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục tại trên 15.000 trường mầm non và gần 16.000 cơ sở độc lập, tỷ lệ trường mầm non ngoài công lập chiếm 21,3%, tỷ lệ trẻ em ngoài công lập chiếm 23,2%; toàn quốc có 56,9% trường mầm non đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 82,2%, tỷ lệ giáo viên/lớp đạt 1,86 (trong đó tỷ lệ phòng học kiên cố cho lớp mẫu giáo đạt 81,8%, tỷ lệ giáo viên/lớp mẫu giáo đạt 1,84). Giáo dục mầm non đã từng bước vượt qua khó khăn, phát triển khá toàn diện về quy mô, mạng lưới trường lớp, các điều kiện chăm sóc giáo dục trẻ; chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ được nâng lên; trẻ em mẫu giáo 5 tuổi đã được chuẩn bị tốt các điều kiện sẵn sàng vào học lớp một; trẻ em vùng miền núi, dân tộc thiểu số được chuẩn bị về tiếng Việt và được hỗ trợ ăn trưa nên tỷ lệ ra lớp cao, bảo đảm chuyên cần; việc thực hiện công bằng trong giáo dục từng bước được bảo đảm. Đặc biệt, việc thực hiện thành công các mục tiêu cơ bản của Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi (viết tắt là PCGDMNTNT- hoàn thành năm 2017) đã góp phần nâng cao tỷ lệ trẻ em được tới trường/lớp; thu hút được một nguồn lực lớn đầu tư xây dựng trường lớp, mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác chăm sóc, giáo dục trẻ ở các địa phương; cơ sở vật chất được tăng cường theo hướng kiên cố hóa, chuẩn hóa. Kết quả thực hiện PCGDMNTNT có tác dụng tốt đối với sự phát triển của trẻ 5 tuổi, đồng thời tạo sự an tâm, tin tưởng của cha mẹ trẻ và cộng đồng đối với GDMN.

Tuy nhiên, GDMN vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức lớn, như sau:

- Mạng lưới trường, lớp hiện tại chưa đáp ứng được nhu cầu huy động trẻ đến trường, lớp. Tỷ lệ trẻ nhà trẻ đi học còn ở mức thấp (32,1%), tỷ lệ huy động trẻ em mẫu giáo mới đạt 93,1%.

- Về phòng học: mặc dù hiện nay các cơ sở GDMN đã bố trí đảm bảo 01 phòng học/01 lớp, tuy nhiên tỷ lệ phòng học kiên cố mới đạt 82,2%, còn 0,8% phòng học tạm và học nhờ/mượn gần 2000 phòng. Riêng đối với các lớp mẫu giáo, tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 81,8%, phòng học tạm còn 0,79%; đồ chơi ngoài trời, thiết bị dạy học tối thiểu trong lớp ở các trường mầm non cũng thường xuyên xuống cấp, hỏng hóc, thiếu hụt phải bổ sung thường xuyên. Giai đoạn từ 2026-2030, theo dự báo dân số toàn quốc giảm trên 600.000 trẻ (trong đó chỉ có 7/63 tỉnh tăng dân số trẻ mẫu giáo<sup>2</sup>) so với năm học 2022-2023. Như vậy, dân số giảm ở nhiều địa phương, cơ sở vật chất hiện có tại các trường cơ bản được nâng lên rất nhiều so với giai đoạn 10 năm trước, trên 50% trường đạt chuẩn quốc gia là điều kiện thuận lợi để phục vụ cho việc PCGDMNTMG. Việc cần giải quyết giai đoạn tới là Chính phủ tiếp tục đầu tư bổ sung phòng học cho các cơ sở GDMN để nâng cao tỷ lệ phòng học kiên cố, xóa phòng học tạm và đầu tư bổ sung cho các lớp mẫu giáo tăng

---

<sup>2</sup> Các tỉnh tăng dân số trẻ MG gồm: Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh, Long An, Kiên Giang, Cần Thơ, Bình Dương, Đồng Nai.

cục bộ tại một số địa phương; đồng thời tiếp tục bổ sung kinh phí đầu tư về thiết bị dạy học cho các cơ sở GDMN để đáp ứng yêu cầu phổ cập.

- Về đội ngũ giáo viên: bình quân toàn quốc đạt 1,86 GV/lớp, trong đó: Đối với các lớp mẫu giáo đạt 1,84 GV/lớp (thiếu 0,36 GV/lớp tương ứng với khoảng 53.676 giáo viên theo quy mô dự báo đến năm 2030). Trong đó: Riêng đối với các lớp mẫu giáo công lập thiếu khoảng 34.612 giáo viên cần tuyển thêm đến năm 2030. Giai đoạn 10 năm vừa qua, việc chưa có chính sách thu hút, chưa có chính sách hỗ trợ giáo viên để ổn định đời sống, qua đó “giữ chân” giáo viên yên tâm công tác với cấp học mầm non, với bối cảnh mức lương còn thấp, áp lực công việc nhiều (thời gian làm việc từ 9-10h/ngày) đã dẫn đến việc ngày càng nhiều GVMN bỏ nghề, chuyển công việc (năm học 2022-2023 có hơn 9000 GVMN bỏ nghề), không mong muốn tham gia dự tuyển vào học và làm GVMN. Trong thời gian tới, việc ban hành các chính sách thu hút, giữ chân để tuyển mới khoảng 34.612 giáo viên đáp ứng cơ bản về đội ngũ để các địa phương thực hiện nhiệm vụ PCGDMNTMG.

- Chất lượng PCGDMNTNT ở nhiều nơi chưa được duy trì bền vững do tỷ lệ trẻ em mẫu giáo độ tuổi 3 tuổi, 4 tuổi đi học còn thấp. Tại các vùng khó khăn, vùng DTTS trẻ em được tiếp cận GDMN muộn, phải đến 5 tuổi mới được tới trường, lớp; nhờ chính sách PCGDMNTNT, trẻ em mới được ra lớp; tại các vùng thuận lợi, khu đông dân cư, khu công nghiệp, khu chế xuất chính sách hỗ trợ trẻ em học tại cơ sở GDMN dân lập, tư thục còn thấp nên chưa thúc đẩy việc phát triển GDMN dân lập, tư thục; cha mẹ trẻ đa phần đều có nguyện vọng cao đưa con tới cơ sở GDMN công lập. Điều này dẫn đến việc phát triển GDMN dân lập, tư thục ở một số địa phương chưa phát triển; chất lượng GDMN còn có sự chênh lệch giữa các vùng miền; ở vùng khó khăn chất lượng GDMN còn chưa cao, trẻ thiếu hụt nhiều ở các lĩnh vực phát triển nhận thức, ngôn ngữ và giao tiếp, đặc biệt là trẻ em người DTTS do điều kiện tiếp cận GDMN hạn chế nên chưa có đủ thời gian để hình thành và phát triển ngôn ngữ tiếng Việt, chuẩn bị sẵn sàng cho việc học tập ở trường phổ thông, từ đó tỷ lệ không được lên lớp, lưu ban, bỏ học khá cao ở đối tượng này. Các điều kiện bảo đảm chất lượng toàn diện cho trẻ 5 tuổi sẵn sàng vào học lớp một ở vùng khó khăn, vùng núi cao, chưa đáp ứng với yêu cầu, mục tiêu đặt ra.

Bước vào giai đoạn 2021-2030, Đảng và Nhà nước cũng đã có nhiều văn bản chỉ đạo về phát triển GDĐT, trong đó GDMN có các nhiệm vụ và yêu cầu đặt ra cho giai đoạn mới, như sau:

+ Ngày 24/11/2023, Ban Chấp hành Trung ương ban hành Nghị quyết số 42-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, trong đó xác định các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030 gồm *hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi (mục II.2.2.2)* và nhiệm vụ, giải pháp củng cố kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, *từng bước thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi (mục III.6)*. Như vậy, tại Nghị quyết số 42-NQ/TW đã đề

ra mục tiêu đến năm 2030 phải hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi.

+ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã đề ra mục tiêu: *“Hoàn thành PCGDMNTNT vào năm 2015, nâng cao chất lượng phổ cập trong những năm tiếp theo và miễn học phí trước năm 2020. Từng bước chuẩn hóa hệ thống các trường mầm non. Phát triển giáo dục mầm non dưới 5 tuổi có chất lượng phù hợp với điều kiện của từng địa phương và cơ sở giáo dục”*.

+ Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư *“Củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và xóa mù chữ, nhất là PCGDMNTNT, tiến tới phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ dưới 5 tuổi”*.

+ Thông báo số 173/TB-VPCP ngày 22/4/2024 của Văn phòng Chính phủ Thông báo Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Phiên họp của Ủy ban Quốc gia Đổi mới giáo dục và đào tạo về “Đổi mới, phát triển giáo dục mầm non đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Trong đó: Giao cho Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục hoàn thiện hồ sơ báo cáo Chính phủ việc đề xuất trình Quốc hội ban hành Nghị quyết về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo 3-5 tuổi.

+ Cam kết của Chính phủ Việt Nam trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững sau năm 2015. Thực hiện các Quyền của trẻ em theo Luật Giáo dục và Luật Trẻ em.

+ Tiếp tục chuẩn bị các điều kiện bảo đảm cho GDMN triển khai thực hiện các mục tiêu của “Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

Như vậy, yêu cầu về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo 3 -5 tuổi (PCGDMNTEMG) đã được thể hiện trong các văn bản của Đảng và Chính phủ, tuy nhiên, PCGDMNTEMG chưa được quy định trong Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 (mới chỉ quy định phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo 5 tuổi), nên chưa có cơ sở pháp lý để triển khai phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo 3 - 5 tuổi.

Để kịp thời đáp ứng mục tiêu 100% các tỉnh, thành phố hoàn thành PCGDMNTMG vào năm 2030 theo Nghị quyết số 42-NQ/TW cần có Nghị quyết của Quốc hội để triển khai nhiệm vụ này. Căn cứ vào khoản 3 Điều 70 Hiến pháp năm 2013 thẩm quyền của Quốc hội quy định "3. Quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế - xã hội của đất nước" thì việc tham mưu cho Quốc hội ban hành Nghị quyết về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi là phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội để kịp thời tạo cơ sở pháp lý cho các tỉnh, thành phố triển khai xây dựng kế hoạch PCGDMNTMG, đồng thời bổ sung các chính sách hỗ trợ, tạo cơ chế cho cấp học mầm non củng cố mạng lưới trường, lớp góp phần tăng tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo ở mọi vùng, miền được tiếp cận giáo dục; tạo nền tảng vững chắc cho việc duy trì và nâng cao chất lượng PCGDMNTNT nhằm chuẩn bị tốt về thể chất, trí tuệ, tình

cảm, thẩm mỹ, ngôn ngữ và tâm lý sẵn sàng đi học, bảo đảm chất lượng để trẻ em vào lớp một.

## **2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

### **2.1. Mục tiêu tổng thể**

Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi. Nâng cao tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo được tiếp cận giáo dục mầm non, bảo đảm hầu hết trẻ em mẫu giáo ở mọi vùng, miền tại các tỉnh, thành phố được đến lớp để thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 2 buổi/ngày theo chương trình giáo dục mầm non nhằm chuẩn bị tốt về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ, ngôn ngữ và tâm lý sẵn sàng đi học, bảo đảm chất lượng để trẻ em vào lớp một.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể**

Các địa phương thực hiện thí điểm hoàn thành các mục tiêu:

- Đảm bảo thu hút được ít nhất 95%; đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 90% trở lên số trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi đến cơ sở giáo dục mầm non vào năm 2030;

- Nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục đối với trẻ em mẫu giáo, duy trì tỷ lệ trẻ em mẫu giáo suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm trung bình 0,3%/năm, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm trung bình 0,2%/năm, tỷ lệ trẻ em thừa cân-béo phì được khống chế, phấn đấu có 100% trẻ em mẫu giáo tại các cơ sở GDMN được học 2 buổi/ngày theo Chương trình GDMN, chuẩn bị tốt tâm thế, sẵn sàng cho trẻ em mẫu giáo 5 tuổi vào học lớp một;

- Phấn đấu đến năm 2030, có đủ số lượng giáo viên dạy các lớp mẫu giáo theo quy định, trong đó có 90% giáo viên đạt trình độ từ cao đẳng sư phạm mầm non trở lên;

- Củng cố, mở rộng mạng lưới trường, lớp bảo đảm tỷ lệ 01 phòng/01 lớp mẫu giáo. Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi cho các lớp mẫu giáo ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng miền núi, biên giới, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo;

- Phấn đấu 100% các địa phương được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo vào năm 2030.

## **II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH**

### **1. Chính sách 1: Ưu đãi đối với trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi**

#### **1.1. Xác định vấn đề bất cập**

Quyền của trẻ em về tiếp cận giáo dục đã được quy định cụ thể tại Luật Giáo dục và Luật Trẻ em. Trong đó, Điều 14 Luật Giáo dục quy định: “Nhà nước thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi”.

Thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011-2020 theo Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2020, hằng năm, có trên 5,3 triệu trẻ mầm non được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục tại trên 15.000 trường mầm non và gần 16.000 cơ

sở độc lập, tỷ lệ trường mầm non ngoài công lập chiếm 21,3%, tỷ lệ trẻ em ngoài công lập chiếm 23,2%; trong đó có 93,1% trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo đã được huy động đến trường/lớp mầm non; toàn quốc có 56,9% trường mầm non đạt chuẩn quốc gia. Tuy nhiên, hiện tại cả nước còn gần 7% trẻ em mẫu giáo và gần 68% trẻ nhà trẻ chưa được tiếp cận giáo dục, còn gần 4.000 trẻ mẫu giáo năm tuổi chưa được tiếp cận giáo dục mầm non trước khi vào lớp 1, tập trung tại các vùng núi cao, dân tộc thiểu số, vùng khó khăn biên giới, hải đảo, bãi ngang ven biển.

Theo quy định tại Điều 27 Luật Giáo dục, trách nhiệm của nhà nước được quy định "Nhà nước có chính sách đầu tư phát triển giáo dục mầm non; ưu tiên phát triển giáo dục mầm non ở miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, địa bàn có khu công nghiệp; khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển giáo dục mầm non nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội", Luật đã giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này. Trên cơ sở quy định của Luật, ngày 08/9/2020 Chính Phủ ban hành Nghị định số 105/NĐ-CP quy định về chính sách phát triển giáo dục mầm non.

Theo các quy định nêu trên, trẻ em mầm non được hưởng chính sách hỗ trợ ăn trưa; chính sách trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp. Qua tổng kết cho thấy, nhiều địa phương, cơ sở GDMN đã huy động thêm sự đóng góp của phụ huynh và các ban ngành, đoàn thể (hội phụ nữ, đoàn thanh niên...) tăng gia sản xuất, trồng rau sạch, đóng góp trứng, thịt, gạo, củi, hỗ trợ ngày công nấu ăn... để nâng cao chất lượng ăn bán trú cho trẻ tại trường. Chính sách này đã tác động sâu sắc đối với việc phát triển GDMN nói chung cũng như trẻ em vùng khó khăn, vùng núi cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần tăng tỉ lệ huy động trẻ đến trường và tỷ lệ chuyên cần; nâng tỷ lệ trẻ được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 2 buổi/ ngày, từ đó giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, duy trì và củng cố thành quả PCGDMNTNT. Theo báo cáo của các địa phương riêng theo Nghị định số 06/2018/NĐ-CP: Từ năm học 2018-2019, tổng số trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi thuộc đối tượng được hưởng chính sách là 2.825.210 trẻ. Tổng số kinh phí để thực hiện chính sách cho trẻ là 2.998.645 triệu đồng. Giai đoạn từ năm 2020 đến nay chính sách hỗ trợ cho trẻ em mẫu giáo ăn trưa được thực hiện theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP với mức 160.000 đồng/trẻ/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học (mức cũ 149.000). Ngoài ra, Nghị định số 105 còn bổ sung kinh phí hỗ trợ nấu ăn cho trẻ em tại cơ sở GDMN công lập ở xã có điều kiện KTXH đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo, xã thuộc vùng khó khăn theo quy định của Chính phủ mức hỗ trợ 2,4 triệu đồng/tháng/45 trẻ em. Nghị định 105/2020/NĐ-CP về chính sách phát triển GDMN, trong đó có chính sách trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp (160.000 đồng/trẻ/tháng), chính sách hỗ trợ tài liệu và chi phí tập huấn đối với GVMN dân lập, từ thực đã thúc đẩy nâng cao chất lượng GDMN ngoài công lập, các chính sách trên đã góp phần to lớn thúc đẩy GDMN phát triển. Tuy nhiên, theo tổng kết, đánh giá thì nội dung chính sách hỗ trợ đối với trẻ em mầm non theo quy định hiện hành vẫn còn hạn chế, mức hỗ trợ thấp (chưa có chế độ hỗ trợ, ưu đãi về

miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ nấu ăn, chăm sóc bán trú cho trẻ em mẫu giáo...).

Đối tượng hưởng chính sách theo Nghị định số 105/NĐ-CP, Nghị định số 81/2021/NĐ-CP còn rất eo hẹp, chưa thực hiện đầy đủ Điều 85 Luật giáo dục 2019 trong việc xem xét đến đối tượng học sinh DTTS thuộc hộ nghèo, cận nghèo vùng đồng bào DTTS, MN; chưa đảm bảo công bằng trong giáo dục đối với trẻ em để được tiếp cận chương trình giáo dục mầm non ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn, đối tượng trẻ em ở khu công nghiệp.

Một số định mức hỗ trợ đối với trẻ em còn thấp, không phù hợp với thực tế hiện nay, do trượt giá, không đủ hỗ trợ bữa ăn trưa cho trẻ em.

## **1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Tăng cường các chính sách hỗ trợ cho trẻ em mẫu giáo để nâng cao tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo được tiếp cận GDMN có chất lượng, bảo đảm hầu hết trẻ em mẫu giáo ở mọi vùng, miền tại các địa phương triển khai thí điểm được đến lớp, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 2 buổi/ngày theo Chương trình GDMN nhằm chuẩn bị tốt về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ, ngôn ngữ và tâm lý sẵn sàng đi học, bảo đảm chất lượng để trẻ em vào lớp một; góp phần vào thực hiện quyền của trẻ em mẫu giáo, tạo sự công bằng trong tiếp cận giáo dục; nâng cao tỷ lệ huy động trẻ em mẫu giáo toàn quốc.

Rà soát đối tượng được hỗ trợ, sửa đổi thay thế các quy định không còn phù hợp (bổ sung đối tượng được hưởng chính sách, nâng mức hỗ trợ để phù hợp với thực tế).

## **1.3. Giải pháp giải quyết vấn đề**

**Giải pháp 1:** Giữ nguyên hiện trạng;

**Giải pháp 2: Miễn học phí cho đối tượng trẻ em vùng khó khăn, trẻ em đối tượng chính sách.** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp cùng cấp ban hành định mức cụ thể về miễn giảm học phí, hỗ trợ ăn trưa, hỗ trợ chi phí học tập đối với trẻ em mẫu giáo trong độ tuổi phổ cập giáo dục mẫu giáo, mức thấp nhất căn cứ vào quy định dưới đây:

### **1. Đối tượng được hưởng chính sách**

a) Trẻ em mẫu giáo trong độ tuổi thực hiện phổ cập giáo dục mầm non từ 3 đến 5 tuổi thường trú trên địa bàn đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn; xã khu vực III, khu vực II thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (không bao gồm các xã khu vực II đã đạt chuẩn nông thôn mới); xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của cấp có thẩm quyền (sau đây gọi chung là vùng khó khăn) đang học tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc vùng khó khăn, xã khu vực I và xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo quy định của cấp có thẩm quyền;

b) Trẻ em mẫu giáo trong độ tuổi từ 3 đến 5 tuổi thực hiện phổ cập giáo dục mầm non thuộc hộ nghèo, cận nghèo đang học tại cơ sở giáo dục mầm non;



c) Trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động theo quy định.

## 2. Chính sách được hưởng

a) Trẻ em thuộc đối tượng quy định tại điểm a, b mục 1 học tập tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập được miễn học phí; Trẻ em thuộc đối tượng điểm a, b mục 1 học tập tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục tham gia thí điểm được cấp bù học phí bằng số tiền học phí trẻ em học tại cơ sở giáo dục công lập được miễn.

b) Trẻ em mẫu giáo thuộc đối tượng điểm a, b, c mục 1 được hỗ trợ tiền ăn trưa tối thiểu là 360.000 đồng/tháng/trẻ em (ba trăm sáu mươi nghìn đồng). Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

c) Trẻ em mẫu giáo thuộc đối tượng quy định tại điểm c mục 1 được hỗ trợ chi phí học tập là 150.000 đồng/tháng/trẻ em (một trăm năm mươi nghìn đồng). Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

**Giải pháp 3:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp cùng cấp ban hành định mức cụ thể về miễn giảm học phí, hỗ trợ ăn trưa, hỗ trợ chi phí học tập đối với trẻ em mẫu giáo trong độ tuổi phổ cập giáo dục mầm non, mức thấp nhất căn cứ vào quy định dưới đây:

### 1. Đối tượng được hưởng chính sách

a) Trẻ em mẫu giáo trong độ tuổi thực hiện phổ cập giáo dục mầm non 3 - 5 tuổi thường trú trên địa bàn đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn; xã khu vực III, khu vực II thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (không bao gồm các xã khu vực II đã đạt chuẩn nông thôn mới); xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của cấp có thẩm quyền (sau đây gọi chung là vùng khó khăn) đang học tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc vùng khó khăn, xã khu vực I và xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo quy định của cấp có thẩm quyền;

b) Trẻ em mẫu giáo trong độ tuổi thực hiện phổ cập giáo dục mầm non từ 3 đến 5 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo đang học tại cơ sở giáo dục mầm non;

c) Trẻ em mẫu giáo trong độ tuổi thực hiện phổ cập giáo dục mầm non từ 3 đến 5 tuổi được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục.

## 2. Chính sách được hưởng

a) Trẻ em thuộc đối tượng quy định tại điểm a, b mục 1 học tập tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập được miễn học phí; Trẻ em thuộc đối tượng điểm a, b mục 1 học tập tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục tham gia thí

điểm được cấp bù học phí bằng số tiền học phí trẻ em học tại cơ sở giáo dục công lập được miễn.

b) Trẻ em mẫu giáo thuộc đối tượng điểm a, b, mục 1 học tập tại các cơ sở tham gia thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi được hỗ trợ tiền ăn trưa tối thiểu là 360.000 đồng/tháng/cháu (ba trăm sáu mươi nghìn đồng). Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

c) Trẻ em mẫu giáo thuộc đối tượng quy định tại điểm c mục 1 học tập tại các cơ sở phổ cập giáo dục mầm non được hỗ trợ chi phí học tập là 300.000 đồng/tháng/cháu (một trăm năm mươi nghìn đồng). Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

## **2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp**

### **2.4.1. Giải pháp 1:**

a) *Tác động về kinh tế:* Không thay đổi

b) *Tác động về xã hội:*

- *Tích cực:* Không làm thay đổi các quan hệ xã hội và hiện trạng xã hội.

- *Tiêu cực:* Không giải quyết được các vấn đề bất cập phát sinh hiện nay: còn 8% trẻ em mẫu giáo và 71,8% trẻ nhà trẻ chưa được tiếp cận giáo dục; đối với trẻ mầm non là dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn khi không được hỗ trợ trẻ không được đến trường, không được tiếp cận với giáo dục, nền tảng giáo dục thấp sẽ ảnh hưởng đến việc phát triển và nâng cao trình độ dân trí.

c) *Tác động về giới:* Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

d) *Tác động về thủ tục hành chính:* Không phát sinh thủ tục hành chính.

đ) *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Giải pháp này không tác động đến hệ thống pháp luật.

### **2.4.2. Giải pháp 2**

a) *Tác động về kinh tế:*

- *Tích cực:* Chính sách có tác động tích cực đối với nền kinh tế. Cha mẹ trẻ yên tâm tham gia lao động sản xuất (đặc biệt là phụ nữ), tăng cường thêm số lượng sản phẩm và tăng năng suất lao động, phát triển tốt nền kinh tế.

Mặt khác, theo các nghiên cứu khoa học, trẻ em học qua mầm non có thể tăng thu nhập cho bản thân gấp 8 lần trẻ em không qua bậc học mầm non. Hội đồng Cố vấn kinh tế của tổng thống Mĩ đã chứng minh 1\$ đầu tư cho giáo dục 1 trẻ em ở giai đoạn đầu đời có chất lượng sẽ phát sinh lợi nhuận tích lũy là 8,60\$ khi đứa trẻ đó trưởng thành<sup>3</sup>.

---

<sup>3</sup> USA (2015). The Economic of Early Childhood Investments.

+ Hỗ trợ tiền ăn trưa: Hiện nay, quy định mức hỗ trợ tiền ăn trưa là 10% mức lương cơ sở/tháng/học sinh (khoảng 160.000đ/tháng là rất thấp, không bảo đảm mức sống sinh hoạt hàng ngày cho trẻ em). Đề xuất nâng mức hỗ trợ tiền ăn trưa từ 20% mức lương cơ sở (tăng 10%). Đối tượng thụ hưởng là trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi thuộc xã khó khăn theo quy định của Chính phủ.

+ Hỗ trợ chi phí học tập: Bổ sung đối tượng thụ hưởng là trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi được chăm sóc và giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục. Hiện nay, quy định mức hỗ trợ chi phí học tập là 150.000 đồng/tháng/trẻ (một trăm sáu mươi nghìn đồng). Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

+ Hỗ trợ, miễn học phí: Bổ sung đối tượng trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi được miễn học phí thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn, xã khó khăn đang học tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; Trẻ em mẫu giáo trong độ tuổi thực hiện phổ cập giáo dục mầm non 3 tuổi, 4 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo đang học tại cơ sở giáo dục mầm non (Hiện nay, mới miễn học phí cho trẻ em mẫu giáo 5 tuổi ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền). Căn cứ theo mức thu học phí do HĐND các tỉnh ban hành.

- *Tiêu cực*: Phát sinh chi phí để thực hiện chính sách. Số lượng trẻ em mẫu giáo, cụ thể như sau:

+ Hỗ trợ tiền ăn: Tăng mức hỗ trợ từ 10% lên 20% mức lương cơ sở (tức tăng thêm 200.000 đồng/tháng so với mức cũ do mức lương cơ sở hiện nay tăng lên 1.800.000 đồng).

Tổng số trẻ em mẫu giáo được hưởng chính sách hỗ trợ ăn trưa năm học 2021-2022 là: 518.879 trẻ (Theo thống kê đầu năm tại CSDL ngành giáo dục).

Nhu cầu kinh phí chi hỗ trợ ăn trưa tăng thêm so với mức hưởng tại Nghị định 105/2020/NĐ-CP như sau:

. Kinh phí tăng thêm/tháng:  $518.879 \text{ trẻ} \times 200.000 \text{ đồng} = 103,8 \text{ tỷ/tháng}$ .

. Kinh phí tăng thêm/năm học:  $103,8 \text{ tỷ/tháng} \times 9 \text{ tháng} = 934,2 \text{ tỷ/năm}$ .

+ Hỗ trợ chi phí học tập: Tổng số trẻ em mẫu giáo thuộc đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập là con công nhân, người lao động làm việc ở các khu công nghiệp: 210.386 trẻ (Theo thống kê đầu năm tại CSDL ngành giáo dục).

Số kinh phí cần Nhà nước hỗ trợ để hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em mẫu giáo là:

. Kinh phí miễn học phí/tháng:  $210.386 \text{ trẻ} \times 150.000 \text{ đồng} = 31,6 \text{ tỷ/tháng}$ .

. Kinh phí tăng thêm/năm học:  $31,6 \text{ tỷ/tháng} \times 9 \text{ tháng} = 284,02 \text{ tỷ/năm}$ .

+ Hỗ trợ miễn học phí:

Tổng số trẻ em mẫu giáo thuộc đối tượng được miễn học phí năm học 2021-2022: 339.046 trẻ (Theo thống kê đầu năm tại CSDL ngành giáo dục).

- Số kinh phí cần Nhà nước hỗ trợ để miễn học phí cho trẻ em mẫu giáo là:
- . Kinh phí miễn học phí/tháng:  $339.046 \text{ trẻ} \times 50.000 \text{ đồng} = 16,9 \text{ tỷ/tháng}$ .
  - . Kinh phí tăng thêm/năm học:  $16,9 \text{ tỷ/tháng} \times 9 \text{ tháng} = 152,6 \text{ tỷ/năm}$ .

*b) Tác động về xã hội:*

- Tích cực: Để thực hiện Điều 85 của Luật Giáo dục 2019; Nghị quyết số 41/2021/QH15; khắc phục những khó khăn, bất cập trong thực hiện chính sách cho trẻ em. Hiện nay, ở các xã, thôn đặc biệt khó khăn giảm mạnh theo phân định vùng mới (Quyết định số 861/QĐ-TTg, Quyết định 612/QĐ-UBND, Quyết định 353/QĐ-TTg), trong khi điều kiện trẻ và gia đình trẻ còn rất nhiều khó khăn. Góp phần huy động tối đa trẻ em mầm non tới cơ sở GDMN, trẻ được nâng mức hỗ trợ ăn trưa sẽ có bữa ăn đảm bảo hơn về dinh dưỡng để giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng; được hỗ trợ chi phí học tập sẽ giúp trẻ có đủ đồ dùng, học liệu thuận lợi cho việc tiếp nhận nội dung giáo dục (đặc biệt đối với trẻ em vùng khó khăn việc nâng mức hỗ trợ ăn trưa là hết sức cần thiết để thúc đẩy cha mẹ trẻ đưa trẻ tới trường; trẻ tại các cơ sở GDMN dân lập, tư thục cũng được hỗ trợ từ đó thu hút trẻ vào học tại các cơ sở GDMN dân lập, tư thục, giảm áp lực cho các trường công lập), trẻ được ra lớp nhiều hơn sẽ được chuẩn bị tiếng Việt, giúp trẻ sẵn sàng vào lớp 1 và học tập tốt hơn ở các bậc học tiếp theo từ đó góp phần nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực ở vùng DTTS&MN. Cha mẹ trẻ yên tâm công tác, chỉ số hạnh phúc và an sinh xã hội tăng lên. Ngoài ra, nếu trẻ em được đến trường nhiều hơn khi có đủ giáo viên, bảo đảm sức khỏe và chăm sóc dinh dưỡng lành mạnh cho trẻ em trong 1000 ngày đầu đời chúng sẽ có khả năng phục hồi khỏi bệnh tật nguy hiểm đến tính mạng gấp 10 lần<sup>4</sup>. Trẻ em tham gia giáo dục mầm non có khả năng đạt được các kỹ năng đọc viết và tính toán cơ bản cao hơn gấp đôi so với trẻ em không tham gia giáo dục mầm non<sup>5</sup>.

- Tiêu cực: Không có tác động tiêu cực.

*c) Tác động về giới:* Chính sách không làm phát sinh các vấn đề về giới, không gây mất bình đẳng, đảm bảo tiếp cận ưu đãi, công bằng giữa các giới.

*d) Tác động về thủ tục hành chính:* Giải pháp thí điểm không làm phát sinh thủ tục hành chính, việc chi trả và hỗ trợ các cháu được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành (thủ tục, mẫu đơn đã có sẵn- Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, NĐ 81/NĐ-CP).

*đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Giải pháp không vi phạm, ảnh hưởng Luật và các văn bản quy phạm pháp luật nào đang được quy định trong hệ thống pháp luật hiện hành của Việt Nam.

### **2.4.3. Giải pháp 3**

*a) Tác động về kinh tế:*

<sup>4</sup> Jackson, Sonia, et al. 2004. Người ngồi dưới cây.

<sup>5</sup> Báo cáo toàn cầu đầu tiên của UNICEF về giáo dục mầm non, 09/4/2019. <https://www.unicef.org/eca/ru/>

- *Tích cực*: Chính sách có tác động tích cực đối với nền kinh tế. Cha mẹ trẻ yên tâm tham gia lao động sản xuất (đặc biệt là phụ nữ), tăng cường thêm số lượng sản phẩm và tăng năng suất lao động, phát triển tốt nền kinh tế.

Mặt khác, theo các nghiên cứu khoa học, trẻ em học qua mầm non có thể tăng thu nhập cho bản thân gấp 8 lần trẻ em không qua bậc học mầm non. Hội đồng Cố vấn kinh tế của tổng thống Mỹ đã chứng minh 1\$ đầu tư cho giáo dục 1 trẻ em ở giai đoạn đầu đời có chất lượng sẽ phát sinh lợi nhuận tích lũy là 8,60\$ khi đứa trẻ đó trưởng thành<sup>6</sup>.

Chi phí nâng mức hỗ trợ và bổ sung đối tượng được hưởng một số chính sách để phù hợp với thực tế và khuyến khích trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi ra lớp, cụ thể:

+ Hỗ trợ tiền ăn trưa: Hiện nay, quy định mức hỗ trợ tiền ăn trưa theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP là 10% mức lương cơ sở tháng/học sinh (khoảng 160.000đ/tháng là rất thấp, không bảo đảm mức sống sinh hoạt hàng ngày cho trẻ em). Đề xuất nâng mức hỗ trợ tiền ăn trưa lên 20% mức lương cơ sở (tăng 10%). Bổ sung đối tượng thụ hưởng là trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi thuộc xã khó khăn theo quy định của Chính phủ; bổ sung đối tượng trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi tại các cơ sở GDMN dân lập, tư thực.

+ Hỗ trợ chi phí học tập: Bổ sung đối tượng trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi được chăm sóc và giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thực. Hiện nay, quy định mức hỗ trợ chi phí học tập là 300.000 đồng/tháng/trẻ (một trăm sáu mươi nghìn đồng). Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

+ Hỗ trợ, miễn học phí: Bổ sung đối tượng trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi được miễn học phí thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn, xã khó khăn đang học tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo (Hiện nay, mới miễn học phí cho trẻ em mẫu giáo 5 tuổi ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền). Căn cứ theo mức thu học phí theo Nghị quyết do HĐND các tỉnh ban hành.

- *Tiêu cực*: Phát sinh chi phí để thực hiện chính sách.

+ Hỗ trợ tiền ăn: Tăng mức hỗ trợ từ 10% lên 20% mức lương cơ sở (tức tăng thêm 200.000 đồng/tháng so với mức cũ do mức lương cơ sở hiện nay tăng lên 1.800.000 đồng).

Tổng số trẻ em mẫu giáo được hưởng chính sách hỗ trợ ăn trưa năm học 2021-2022 là: 518.879 trẻ (Theo thống kê đầu năm tại CSDL ngành giáo dục).

Nhu cầu kinh phí chi hỗ trợ ăn trưa tăng thêm so với mức hưởng tại Nghị định 105/2020/NĐ-CP như sau:

. Kinh phí tăng thêm/tháng: 518.879 trẻ x 200.000 đồng = 103,8 tỷ/tháng.

---

<sup>6</sup> USA (2015). The Economic of Early Childhood Investments.

. Kinh phí tăng thêm/năm học:  $103,8 \text{ tỷ/tháng} \times 9 \text{ tháng} = 934,2 \text{ tỷ/năm}$ .

+ Hỗ trợ chi phí học tập: Tổng số trẻ em mẫu giáo thuộc đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập là con công nhân, người lao động làm việc ở các khu công nghiệp: 210.386 trẻ (Theo thống kê đầu năm tại CSDL ngành giáo dục).

Số kinh phí cần Nhà nước hỗ trợ để hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em mẫu giáo là:

. Kinh phí miễn học phí/tháng:  $210.386 \text{ trẻ} \times 300.000 \text{ đồng} = 63,1 \text{ tỷ/tháng}$ .

. Kinh phí tăng thêm/năm học:  $63,1 \text{ tỷ/tháng} \times 9 \text{ tháng} = 568,04 \text{ tỷ/năm}$ .

+ Hỗ trợ miễn học phí:

Tổng số trẻ em mẫu giáo thuộc đối tượng được miễn học phí năm học 2021-2022: 339.046 trẻ (Theo thống kê đầu năm tại CSDL ngành giáo dục).

Số kinh phí cần Nhà nước hỗ trợ để miễn học phí cho trẻ em mẫu giáo là:

. Kinh phí miễn học phí/tháng:  $339.046 \text{ trẻ} \times 50.000 \text{ ngàn} = 16,9 \text{ tỷ/tháng}$ .

. Kinh phí tăng thêm/năm học:  $16,9 \text{ tỷ/tháng} \times 9 \text{ tháng} = 152,6 \text{ tỷ/năm}$ .

*b) Tác động về xã hội:*

- Tích cực: Thực hiện được Điều 85 của Luật Giáo dục 2019; Nghị quyết số 41/2021/QH15; khắc phục những khó khăn, bất cập trong thực hiện chính sách cho trẻ em. Hiện nay, ở các xã, thôn đặc biệt khó khăn giảm mạnh theo phân định vùng mới (Quyết định số 861/QĐ-TTg, Quyết định 612/QĐ-UBND, Quyết định 353/QĐ-TTg), trong khi điều kiện trẻ và gia đình trẻ còn rất nhiều khó khăn. Góp phần huy động tối đa trẻ em mầm non tới cơ sở GDMN, trẻ được nâng mức hỗ trợ ăn trưa sẽ có bữa ăn đảm bảo hơn về dinh dưỡng để giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng; được hỗ trợ chi phí học tập sẽ giúp trẻ có đủ đồ dùng, học liệu thuận lợi cho việc tiếp nhận nội dung giáo dục (đặc biệt trẻ tại các cơ sở GDMN dân lập, tư thục cũng được hỗ trợ từ đó thu hút trẻ vào học tại các cơ sở GDMN dân lập, tư thục, giảm áp lực cho các trường công lập), trẻ được ra lớp nhiều hơn sẽ được chuẩn bị tiếng Việt, giúp trẻ sẵn sàng vào lớp 1 và học tập suốt đời, nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực ở vùng DTTS, MN. Cha mẹ trẻ yên tâm công tác, chỉ số hạnh phúc và an sinh xã hội tăng lên. Ngoài ra, nếu trẻ em được đến trường nhiều hơn khi có đủ giáo viên, bảo đảm sức khỏe và chăm sóc dinh dưỡng lành mạnh cho trẻ em trong 1000 ngày đầu đời chúng sẽ có khả năng phục hồi khỏi bệnh tật nguy hiểm đến tính mạng gấp 10 lần<sup>7</sup>. Trẻ em tham gia giáo dục mầm non có khả năng đạt được các kỹ năng đọc viết và tính toán cơ bản cao hơn gấp đôi so với trẻ em không tham gia giáo dục mầm non<sup>8</sup>.

- Tiêu cực: Không có tác động tiêu cực cho trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi học tại các cơ sở GDMN dân lập, tư thục nhưng lại chưa có sự công bằng giữa các trẻ em thuộc đối tượng vùng thuận lợi; kinh phí hỗ trợ cho trẻ em mẫu giáo

<sup>7</sup> Jackson, Sonia, et al. 2004. *Người ngồi dưới cây*.

<sup>8</sup> Báo cáo toàn cầu đầu tiên của UNICEF về giáo dục mầm non, 09/4/2019. <https://www.unicef.org/eca/r/>

dân lập, tư thực có sự chênh lệch với mức hỗ trợ quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP.

*c) Tác động về giới:* Chính sách không làm phát sinh các vấn đề về giới, không gây mất bình đẳng, đảm bảo tiếp cận ưu đãi, công bằng giữa các giới.

*d) Tác động về thủ tục hành chính:* Giải pháp thí điểm không làm phát sinh thủ tục hành chính, việc chi trả và hỗ trợ các cháu được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

*đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Giải pháp không vi phạm, ảnh hưởng Luật và các văn bản quy phạm pháp luật nào đang được quy định trong hệ thống pháp luật hiện hành của Việt Nam.

## **1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn**

Trên cơ sở so sánh các giải pháp, Bộ Giáo dục và Đào tạo kiến nghị lựa chọn Giải pháp 2. Thẩm quyền ban hành chính sách là Quốc hội.

## **2. Chính sách 2: Chính sách tuyển dụng, thu hút đội ngũ, ưu đãi đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên khi thực hiện thí điểm phổ cập giáo dục mầm non**

### **2.1. Xác định vấn đề bất cập**

Quyền của trẻ em về tiếp cận giáo dục đã được quy định cụ thể tại Luật Giáo dục và Luật Trẻ em. Trong đó, Điều 14 Luật Giáo dục quy định: “Nhà nước thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi”.

Thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011-2020 theo Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2020, hằng năm, có trên 5,3 triệu trẻ mầm non được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục tại trên 15.000 trường mầm non và gần 16.000 cơ sở độc lập, tỷ lệ trường mầm non ngoài công lập chiếm 21,3%, tỷ lệ trẻ em ngoài công lập chiếm 23,2%; trong đó có 93,1% trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo đã được huy động đến trường/lớp mầm non; toàn quốc có 56,9% trường mầm non đạt chuẩn quốc gia. Tuy nhiên, hiện tại cả nước còn gần 7% trẻ em mẫu giáo và gần 68% trẻ nhà trẻ chưa được tiếp cận giáo dục, gần 4.000 trẻ mẫu giáo năm tuổi chưa được tiếp cận giáo dục mầm non trước khi vào lớp 1, tập trung tại các vùng núi cao, dân tộc thiểu số, vùng khó khăn biên giới, hải đảo, bãi ngang ven biển.

Theo quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị, năm học 2021-2022, toàn ngành còn thiếu 51.388 giáo viên<sup>9</sup>. Việc tuyển dụng giáo viên gặp nhiều khó khăn do thiếu nguồn tuyển. Nguyên nhân, chủ yếu là do chính sách đãi ngộ chưa thỏa đáng, tiền lương khởi điểm của giáo viên còn ở mức thấp, đời sống của giáo viên gặp nhiều khó khăn. Ngoài ra, áp lực công việc đối với giáo viên mầm non là rất lớn, điều kiện làm việc chưa đảm bảo, thời gian làm việc nhiều hơn quy định của Luật Lao động (kéo dài từ 9-11h/ngày) trong khi tại một số địa phương

<sup>9</sup>Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị. Hà Giang tỷ lệ huy động trẻ MG đạt 98,2 %, tỷ lệ GV/lớp: 1,39; Bắc Cạn huy động trẻ MG đạt 94,6, tỷ lệ GV/lớp: 1,55, Điện Biên huy động trẻ MG đạt 99,6%, tỷ lệ GV/lớp: 1,46, Sơn La huy động trẻ MG đạt 96,6%, tỷ lệ GV/lớp: 1,46, Cao Bằng huy động trẻ MG 98,5, tỷ lệ GV/lớp: 1,65, Lai Châu tỷ lệ huy động trẻ MG 99,8%, tỷ lệ GV/lớp: 1,65.

chưa trả được tiền thêm giờ cho GVMN; về môi trường công tác (số trẻ/lớp lại cao, số giáo viên/lớp thấp, đặc biệt đối với trẻ nhà trẻ<sup>10</sup>). Không ít giáo viên phải kiêm nhiệm thêm cả việc của nhân viên trường học do định mức số người làm việc theo quy định còn nhiều bất cập, ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục trẻ em mầm non. Từ thực tế nêu trên dẫn đến nhiều giáo viên không tham gia dự tuyển mà chuyển sang làm công nhân hoặc làm các ngành khác. Tỷ lệ giáo viên/lớp mới đạt 1,86 GV/lớp, trong đó đối với lớp mẫu giáo 5 tuổi cũng chỉ đạt 1,85 GV/lớp (định mức giáo viên dạy các lớp mẫu giáo theo quy định là 2,2 giáo viên/lớp), công tác tuyển dụng chậm, việc thiếu giáo viên ảnh hưởng tới điều kiện công nhận đạt chuẩn PCGDMNTNT, cùng với tỷ lệ huy động trẻ dưới 5 tuổi còn thấp, làm suy giảm chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ 5 tuổi. Nhiều địa bàn thiếu giáo viên nên trẻ các độ tuổi dưới 5 tuổi chưa được quan tâm, tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi ở một số địa bàn thấp<sup>11</sup>. Mặc dù thiếu giáo viên mầm non theo định mức, nhưng các địa phương không được hợp đồng lao động trong khi vẫn phải thực hiện chủ trương giảm 10% biên chế. Do biến động của dịch COVID-19, sau thời gian dịch bệnh kéo dài tại các cơ sở GDMN NCL sau dịch đang đứng trước nguy cơ không có đủ giáo viên để tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

*Chế độ lương và các thu nhập khác của giáo viên mầm non chưa tương xứng với công sức và áp lực nghề nghiệp.* Thời gian làm việc trên lớp thường kéo dài tới 9-10h/ngày, thiếu giáo viên, bố trí làm quá giờ tiêu chuẩn nhưng nhiều nơi không trả được thêm giờ. Giáo viên cầm bản tại các điểm trường thiếu nhà công vụ. Một số chính sách đối với giáo viên chưa được thực hiện triệt để cho phù hợp với quy định về chế độ làm việc theo Luật Lao động và Thông tư số 48/2011/TT-BGDĐT. *Đã có tình trạng giáo viên mầm non bỏ nghề ở nhiều nơi, trong năm học 2022-2023 đã có hơn 9000 GDMN bỏ nghề, do áp lực và chế độ lương thấp, số tuyển mới rất hạn chế, năm học 2022 - 2023 mới tuyển được khoảng 30% số lượng biên chế được bổ sung thêm (tuyển dụng được 4000 GV/tổng số 13.015 biên chế được giao<sup>12</sup>). GVMN thiếu, bỏ nghề nhiều; Số lượng giáo viên tuyển mới chưa thực sự yên tâm công tác, gắn bó với nghề, tiềm ẩn mất ổn định và nhiều rủi ro đối với ngành, trẻ em.*

Tại các địa phương, công tác tuyển dụng chậm còn do chỉ tiêu biên chế giao theo năm tài chính hoặc giao chậm hơn so với quy mô năm học, công tác tuyển dụng cần nhiều thời gian, do đó việc tuyển dụng chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu bố trí giáo viên đảm bảo việc thực hiện nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ.

---

<sup>10</sup> Bên cạnh đó, do điều kiện địa lý, kinh tế xã hội ở một số vùng không thuận lợi nên đội ngũ giáo viên thường không ổn định, thiếu giáo viên, thiếu nguồn tuyển dụng. Ở các điểm bản hẻo lánh xa xôi, vì chỉ có từ 15-20 trẻ em ghép các độ tuổi, nên không bố trí được 2 GV/lớp, chỉ có 1 giáo viên phụ trách trẻ nhiều độ tuổi trong thời gian cả ngày, dẫn đến nhiều khó khăn trong đời sống sinh hoạt, khi giáo viên có việc riêng gia đình hay ốm đau rất khó khăn để có người thay thế. Ở rất nhiều điểm bản, cũng không có nhà công vụ hay phòng cho giáo viên ở, trong khi đó nhà lại xa.

<sup>11</sup> Tình có tỷ lệ huy động trẻ 3-4T thấp: Phú Yên, Ninh Thuận, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau

<sup>12</sup> Quyết định số 72-QĐ/TW, ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị bổ sung biên chế sự nghiệp giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2022-2023.



*Năng lực, kỹ năng tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ, phát triển Chương trình GDMN của giáo viên chưa tương thích với trình độ đào tạo. Còn một bộ phận giáo viên chậm đổi mới phương pháp, ứng dụng CNTT và khả năng đáp ứng yêu cầu của Chương trình GDMN, chưa theo kịp yêu cầu phát triển chương trình GDMN theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của trẻ em, liên thông, gắn kết với giáo dục phổ thông; Giáo viên, nhà trường chưa quan tâm thỏa đáng việc tận dụng tiến bộ công nghệ để thúc đẩy đổi mới hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, nâng cao chất lượng hiệu quả giáo dục. Năm 2022-2023, giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên là 87,3%, trong đó: trình độ đào tạo trên chuẩn là 65,1%. Riêng các trường mầm non công lập tỷ lệ giáo viên có trình độ đạt chuẩn trở lên là 90,4%.*

## **2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Tạo cơ chế, chính sách ưu đãi nhằm thu hút, bố trí đủ giáo viên mầm non, đáp ứng yêu cầu thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo giai đoạn 2024-2030; giúp giáo viên yên tâm công tác, gắn bó với nghề.

## **2.3. Giải pháp giải quyết vấn đề**

**Giải pháp 1:** Giữ nguyên hiện trạng.

**Giải pháp 2:** Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại các cơ sở giáo dục mầm non thực hiện phổ cập giáo dục mầm non được hỗ trợ chính sách thu hút, ưu đãi. Giao trách nhiệm cho HĐND cấp tỉnh ban hành quy định chính sách thu hút, ưu đãi về đào tạo, bồi dưỡng, tiền lương, tiền công, chế độ phúc lợi và các chính sách khác đối với đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thực hiện chăm sóc, giáo dục trẻ, thực hiện công tác phổ cập trong các cơ sở giáo dục mầm non, cụ thể:

(1) Giáo viên mầm non tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập được tuyển dụng mới từ năm học 2025-2026 theo quy định của pháp luật để trực tiếp dạy các lớp mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi, đáp ứng nhiệm vụ phổ cập giáo dục mẫu giáo được hưởng chính sách thu hút, ưu đãi khi tuyển dụng tối thiểu 01 năm tiền lương cơ bản. Giáo viên hưởng chính sách thu hút, ưu đãi phải cam kết công tác tại cơ sở giáo dục mầm non được tuyển dụng ít nhất 5 năm. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành quy định chính sách thu hút, mức thấp nhất căn cứ vào quy định tại giải pháp này.

(2) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại các cơ sở giáo dục mầm non (không bao gồm các cơ sở giáo dục mầm non có yếu tố nước ngoài) trực tiếp thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi được hỗ trợ tối thiểu 960.000 đồng/tháng (chín trăm sáu mươi ngàn đồng một tháng), hưởng không quá 09 tháng/năm học (tương đương 53% mức lương cơ sở hiện hành, cũng tương ứng với mức hỗ trợ giáo viên mầm non chăm sóc, giáo dục trẻ tại nhóm trẻ/lớp mẫu giáo có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP). Mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng phù hợp với khả năng ngân sách

của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định, mức thấp nhất căn cứ vào quy định tại giải pháp này.

(3) Ưu tiên bố trí đủ giáo viên theo quy định thực hiện công tác phổ cập, bảo đảm tối thiểu có 02 giáo viên/lớp để nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi học 2 buổi/ngày theo Chương trình Giáo dục mầm non. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành quy định cơ chế, chính sách tuyển dụng, định biên giáo viên cao hơn quy định này, tùy vào tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

**Giải pháp 3:** Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại các cơ sở giáo dục mầm non thực hiện phổ cập giáo dục mầm non được hỗ trợ chính sách thu hút, ưu đãi. Giao trách nhiệm cho HĐND cấp tỉnh ban hành quy định chính sách ưu đãi về đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, tiền lương, tiền công, chế độ phúc lợi và các chính sách khác đối với đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thực hiện chăm sóc, giáo dục trẻ, thực hiện công tác phổ cập trong các cơ sở giáo dục mầm non, cụ thể:

(1) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành quy định chính sách thu hút giáo viên mầm non tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập thực hiện phổ cập giáo dục mầm non, căn cứ khả năng ngân sách của địa phương để xem xét quyết định mức ưu đãi khi tuyển dụng tối thiểu 01 năm tiền lương cơ bản. Giáo viên hưởng chính sách thu hút, ưu đãi phải cam kết công tác tại cơ sở giáo dục mầm non được tuyển dụng ít nhất 5 năm.

(2) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại các cơ sở giáo dục mầm non thực hiện phổ cập giáo dục mầm non được hỗ trợ tối thiểu 1.260.000 đồng/tháng (chín trăm sáu mươi ngàn đồng một tháng, tương đương 70% mức lương cơ sở hiện hành), hưởng không quá 9 tháng/năm học. Mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định, mức thấp nhất căn cứ vào quy định tại giải pháp này.

(3) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành quy định cơ chế, chính sách tuyển dụng để bố trí đủ giáo viên theo quy định, bảo đảm tối thiểu có 02 giáo viên/lớp để nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi 2 buổi/ngày theo Chương trình Giáo dục mầm non.

## **1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp**

### **1.4.1. Giải pháp 1:**

*a) Tác động về kinh tế:*

- *Tích cực:* Không có tác động tích cực.

- *Tiêu cực:* Do chế độ đãi ngộ, thu hút đối với giáo viên mầm non công lập còn hạn chế, lương và phụ cấp không đủ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt trong khi thời gian làm việc và áp lực công việc lớn, dẫn đến khó khăn trong công tác tuyển dụng, số lượng giáo viên mầm non nghỉ việc tương đối nhiều. Theo số liệu thống kê năm học 2022-2023: Riêng giáo viên mầm non trường công lập có trên 9.000

người bỏ nghề. Nếu không có sự quan tâm thỏa đáng của Đảng và Nhà nước, GVMN sẽ tiếp tục bỏ nghề, gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ, ảnh hưởng không tốt đến toàn xã hội.

*b) Tác động về xã hội:*

- *Tích cực:* Không có tác động tích cực.

- *Tiêu cực:* Không giải quyết được các vấn đề bất cập hiện nay: nhiều địa phương, thiếu chỉ tiêu biên chế, một số địa phương thiếu nguồn tuyển dụng do chính sách đãi ngộ chưa thỏa đáng, thiếu nguồn tuyển đáp ứng trình độ từ CĐSPMN trở lên theo Luật Giáo dục.

*c) Tác động về giới:* Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

*d) Tác động về thủ tục hành chính:* Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về thủ tục hành chính mới.

*đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Giải pháp này đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

#### **1.4.2. Giải pháp 2:**

*a) Tác động về kinh tế*

- *Tích cực:*

+ Đối với nhà nước: không có tác động tích cực về mặt kinh tế.

+ Đối với giáo viên mầm non: được tăng thêm thu nhập từ: kinh phí tuyển dụng (đối với các địa phương có ưu đãi); kinh phí hỗ trợ hàng tháng. Như vậy, ước tính thu nhập của 01 giáo viên mầm non được hỗ trợ thêm năm đầu tiên sẽ là: 3.780.000/đồng/tháng (tiền thu hút sau tuyển dụng) và hỗ trợ thêm 960.000 đồng/tháng/giáo viên.

- *Tiêu cực:*

+ Đối với nhà nước: sẽ phát sinh chi phí thực hiện chính sách, cụ thể như sau:

(1) Kinh phí hỗ trợ tuyển dụng giáo viên mẫu giáo: Tổng số giáo viên mẫu giáo dự kiến tuyển dụng giai đoạn từ 2026 đến năm 2030 để thực hiện PCGDMNTMG là: 34.612 giáo viên (Lý do: hiện nay giáo viên mẫu giáo đạt 1.84 GV/lớp, so với định mức 2,2 giáo viên/lớp còn thiếu 0,36 GV/lớp; số lớp mẫu giáo công lập dự báo đến năm 2030 có 92.146 lớp).

Số kinh phí cần Nhà nước hỗ trợ để thu hút giáo viên là: 34.612 chỉ tiêu x 45,36 triệu/người/năm (mức hệ số 2,1 x 1,8 triệu) = 1.177,5 tỷ đồng.

(2) Kinh phí hỗ trợ CBQL, GV, NV thực hiện nhiệm vụ phổ cập :

Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được hỗ trợ kinh phí hàng tháng để thực hiện nhiệm vụ PCGDMNTMG là: 378.652 người (Trong đó có:

32.278 CBQL (mỗi trường 2 CBQL), 330.235 giáo viên dạy lớp mẫu giáo (định mức 2.2 GV/lớp MG) và 16.139 nhân viên (mỗi trường 1 nhân viên phụ trách).

Dự kiến số kinh phí cần Nhà nước hỗ trợ để chi trả thêm cho đội ngũ là:  $378.652 \text{ người} \times 960.000 \text{ đồng/người/tháng}$  (tương đương 53% mức lương cơ sở hiện hành) = 363,5 tỷ/tháng; tương ứng 3.271,55 tỷ/năm.

+ Đối với người dân, doanh nghiệp: Không có tác động tiêu cực, do chi từ nguồn ngân sách.

+ Đối với giáo viên mầm non: Không có tác động tiêu cực.

*b) Tác động về xã hội*

- Tích cực: Thu hút được nguồn giáo viên tham gia dự tuyển trong thời gian tới do có chính sách hỗ trợ khi được tuyển dụng, hàng tháng giáo viên thực hiện nhiệm vụ phổ cập được hỗ trợ thêm tiền lương. Qua đó, đời sống của giáo viên sẽ từng bước được cải thiện, giáo viên yên tâm chăm sóc giáo dục trẻ, giảm áp lực đối với đội ngũ, cô giáo sẽ yên tâm gắn bó với nghề. Trẻ đến trường được chăm sóc, giáo dục trong môi trường có đủ giáo viên qua đó chất lượng chăm sóc, giáo dục sẽ tốt hơn, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng nền tảng nhân cách, bảo tồn văn hóa, xã hội.

- Tiêu cực: Không có tác động tiêu cực.

*c) Tác động về giới:* Chính sách này trong hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết thí điểm phổ cập giáo dục mầm non có tác động về giới, tác động tích cực trong việc thúc đẩy bình đẳng giới, cụ thể: tạo điều kiện tiếp cận và cơ hội việc làm cho nữ giới, vì thực tế hiện nay, giáo viên mầm non trên 90% là nữ giới. Do đó, với chính sách phổ cập giáo dục mầm non sẽ khắc phục được việc phân biệt đối xử, tạo sự bình đẳng về giới trong công tác giáo dục.

*d) Tác động về thủ tục hành chính:* Không phát sinh thủ tục hành chính, việc thực hiện chế độ phụ cấp được chi trả vào lương hàng tháng theo quy định của pháp luật hiện hành.

*đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Giải pháp không vi phạm, ảnh hưởng Luật và các văn bản quy phạm pháp luật nào đang được quy định trong hệ thống pháp luật hiện hành của Việt Nam.

**1.4.2. Giải pháp 3:**

*a) Tác động về kinh tế*

- Tích cực:

+ Đối với nhà nước: không có tác động tích cực về mặt kinh tế.

+ Đối với giáo viên mầm non: được tăng thêm thu nhập từ: kinh phí tuyển dụng (đối với các địa phương có ưu đãi); kinh phí hỗ trợ hàng tháng; kinh phí đào tạo bồi dưỡng. Như vậy, ước tính thu nhập của 01 giáo viên mầm non được hỗ trợ thêm năm đầu tiên sẽ là: 3.780.000 đồng/người/tháng (tiền thu hút sau tuyển dụng) và hỗ trợ thêm 1.260.000 đồng/tháng/giáo viên.

- Tiêu cực:

(1) Kinh phí hỗ trợ tuyển dụng giáo viên mẫu giáo công lập: Tổng số giáo viên mẫu giáo dự kiến tuyển dụng giai đoạn từ 2026 đến năm 2030 để thực hiện PCGDMNTMG: 34.612 giáo viên.

Số kinh phí cần Nhà nước hỗ trợ để thu hút giáo viên là: 34.612 chỉ tiêu x 45,36 triệu/người/năm (mức hệ số 2,1 x 1,8 triệu) = 1.177,5 tỷ đồng.

(2) Kinh phí hỗ trợ CBQL, GV, NV thực hiện nhiệm vụ phổ cập :

Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được hỗ trợ kinh phí hằng tháng để thực hiện nhiệm vụ PCGDMNTMG là: 378.652 người (Trong đó có: 32.278 CBQL (mỗi trường 2 CBQL), 330.235 giáo viên dạy lớp mẫu giáo (định mức 2.2 GV/lớp MG) và 16.139 nhân viên (mỗi trường 1 nhân viên phụ trách).

Dự kiến số kinh phí cần Nhà nước hỗ trợ để chi trả thêm cho đội ngũ là: 378.652 người x 1.260.000 đồng/người/tháng (tương đương 70% mức lương cơ sở hiện hành) = 477,1 tỷ/tháng; tương ứng 4.293,91 tỷ/năm.

+ Đối với người dân, doanh nghiệp: Không có tác động tiêu cực, do chi từ nguồn ngân sách.

+ Đối với giáo viên mầm non: Không có tác động tiêu cực.

*b) Tác động về xã hội*

- Tích cực: Thu hút được nguồn giáo viên tham gia dự tuyển trong thời gian tới do có chính sách hỗ trợ khi được tuyển dụng, hằng tháng giáo viên thực hiện nhiệm vụ phổ cập được hỗ trợ thêm tiền lương. Qua đó, đời sống của giáo viên sẽ từng bước được cải thiện, giáo viên yên tâm chăm sóc giáo dục trẻ, giảm áp lực đối với đội ngũ, cô giáo sẽ yên tâm gắn bó với nghề. Trẻ đến trường được chăm sóc, giáo dục trong môi trường có đủ giáo viên qua đó chất lượng chăm sóc, giáo dục sẽ tốt hơn, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng nền tảng nhân cách, bảo tồn văn hóa, xã hội.

- Tiêu cực: Không có tác động tiêu cực.

*c) Tác động về giới:* Chính sách này trong hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết thí điểm phổ cập giáo dục mầm non có tác động về giới, tác động tích cực trong việc thúc đẩy bình đẳng giới, cụ thể: tạo điều kiện tiếp cận và cơ hội việc làm cho nữ giới, vì thực tế hiện nay, giáo viên mầm non trên 90% là nữ giới. Do đó, với chính sách phổ cập giáo dục mầm non sẽ khắc phục được việc phân biệt đối xử, tạo sự bình đẳng về giới trong công tác giáo dục.

*d) Tác động về thủ tục hành chính:* Không phát sinh thủ tục hành chính, việc thực hiện chế độ phụ cấp được chi trả vào cùng kỳ lương hàng tháng theo quy định của pháp luật hiện hành.

*đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Giải pháp không vi phạm, ảnh hưởng Luật và các văn bản quy phạm pháp luật nào đang được quy định trong hệ thống pháp luật hiện hành của Việt Nam.

## **2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn**

Trên cơ sở so sánh các giải pháp, Bộ Giáo dục và Đào tạo kiến nghị lựa chọn Giải pháp 2. Thẩm quyền ban hành chính sách là Quốc hội.

**3. Chính sách 3:** Đầu tư phát triển mạng lưới trường, lớp giáo dục mầm non, bổ sung cơ chế, chính sách phát triển mạng lưới trường lớp đáp ứng nhu cầu tới trường của trẻ em mẫu giáo

### **3.1. Xác định vấn đề bất cập**

Công tác quy hoạch trường lớp còn có nhiều bất cập, hệ thống trường mầm non công lập hiện có không đủ sức thu nhận thêm trẻ, hệ thống trường ngoài công lập khó phát triển ở nơi có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn; cơ sở mầm non độc lập còn hạn chế về điều kiện CSVC; khu công nghiệp, khu chế xuất và khu đông dân cư thiếu trường, lớp mầm non.

Cơ sở GDMN ngoài công lập phát triển chưa tương xứng với tiềm năng; mô hình trường công lập tự chủ phát triển kém; Vùng miền núi cao, vùng sông nước, tình trạng thiếu phòng học chậm được khắc phục, vẫn còn nhiều phòng học tạm, học nhờ.

Mạng lưới trường lớp chưa đáp ứng nhu cầu chăm sóc giáo dục trẻ mẫu giáo, Năm học 2022-2023, vẫn còn khoảng 320.170 trẻ mẫu giáo (gần 7,0%) chưa được chăm sóc, giáo dục tại cơ sở GDMN để tiếp cận Chương trình GDMN, tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo trong độ tuổi từ 3 tuổi đến 4 tuổi ở một số địa bàn thấp ảnh hưởng tới việc duy trì và nâng cao chất lượng PCGDMNTNT.

Tỷ lệ trường chuẩn quốc gia đạt thấp (56,9%) và chưa đồng đều giữa các vùng miền, còn 24/63 tỉnh, TP đạt mức dưới 50%.

Cơ sở vật chất, thiết bị vùng khó khăn chưa đủ điều kiện đổi mới chất lượng GDMN. Nhiều địa phương thiếu phòng học, tỷ lệ phòng học kiên cố thấp; còn nhiều phòng học tạm, học nhờ ở các vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn (Theo thống kê từ báo cáo của các địa phương các CSGDMN công lập cả nước còn thiếu 4.247 phòng học, còn 2.632 phòng học tạm và 2.425 phòng học nhờ); đặc biệt Miền núi phía Bắc vẫn còn 3% tỷ lệ phòng học tạm, mượn.

Tình trạng thiếu nhà vệ sinh hoặc nhà vệ sinh không đạt chuẩn, thiếu thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo quy định ở vùng sâu vùng xa đặc biệt khó khăn là phổ biến. Nhiều nhóm/lớp chưa được trang bị đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu. Tỷ lệ đáp ứng thiết bị dạy học chỉ 48%, các hạng mục hỗ trợ như phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật, phòng đa chức năng còn nhiều nơi không có.

### **3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Phát triển mạng lưới trường, lớp đảm bảo đáp ứng nhu cầu tới trường của trẻ em mẫu giáo; có chương trình ưu tiên đầu tư phát triển trường lớp học vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; bảo đảm 1 phòng học/1 lớp mẫu giáo để thực hiện công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo. Tập trung tháo gỡ, giải quyết các khó khăn, vướng mắc về cơ chế chính sách liên quan đến chính sách đất đai, vay vốn tín dụng, ưu tiên cho thuê tài sản công; đẩy mạnh xã hội hoá, tạo điều kiện cho cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức

trong và ngoài nước đầu tư xây dựng phát triển giáo dục mầm non dân lập, tư thực, nhất là trường mầm non, nhà trẻ ngoài công lập tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đô thị đông dân cư; đầu tư xây dựng phát triển cơ sở giáo dục mầm non theo phương thức đối tác công tư (trường công, quản lý tư), không áp dụng quy định về mức tối thiểu đối với quy mô đầu tư dự án giáo dục đào tạo tại Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với các Dự án đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục mầm non.

### **3.3. Giải pháp giải quyết vấn đề**

**Giải pháp 1:** Giữ nguyên hiện trạng

**Giải pháp 2:**

Nhà nước ưu tiên có chương trình mục tiêu quốc gia đầu tư xây dựng đủ trường/lớp học đáp ứng nhu cầu của trẻ em vùng khó khăn, dân tộc thiểu số, vùng bãi ngang ven biển, hải đảo; hoặc đưa cấu phần giáo dục mầm non vào giai đoạn 2 (giai đoạn 2026-2030 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2022-2030- chỉnh sửa quyết định số 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ). Đầu tư kinh phí cho các cơ sở GDMN công lập để đầu tư xây dựng mới phòng học còn thiếu 6.149 phòng (Trong đó có: 4.247 phòng hiện đang thiếu năm học 2022-2023 và 1.902 phòng thiếu do lớp mẫu giáo tại một số tỉnh tăng lên từ năm 2026 đến năm 2030), sửa chữa phòng học bán kiên cố để đảm bảo đến năm 2030 đạt từ 85% phòng học kiên cố trở lên (15.242 phòng); bổ sung đồ chơi ngoài trời; thiết bị, đồ dùng dạy học trong lớp cho các lớp mẫu giáo tăng thêm.

**Giải pháp 3:**

Nhà nước ưu tiên có chương trình mục tiêu quốc gia đầu tư xây dựng đủ trường/lớp học đáp ứng nhu cầu của trẻ em vùng khó khăn, dân tộc thiểu số, vùng bãi ngang ven biển, hải đảo; hoặc đưa cấu phần giáo dục mầm non vào giai đoạn 2 (giai đoạn 2026-2030 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2022-2030- chỉnh sửa quyết định số 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ). Đầu tư kinh phí cho các cơ sở GDMN công lập để đầu tư xây dựng mới phòng học còn thiếu 6.149 phòng (Trong đó có: 4.247 phòng hiện đang thiếu năm học 2022-2023 và 1.902 phòng thiếu do lớp mẫu giáo tại một số tỉnh tăng lên từ năm 2026 đến năm 2030), sửa chữa phòng học bán kiên cố (32.940 phòng để thay thế phòng học tạm, nhờ để đảm bảo đến năm 2030 có 100% phòng học kiên cố).

### **1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp**

#### **1.4.1. Giải pháp 1:**

*a) Tác động về kinh tế:*

- *Tích cực:* Không có tác động tích cực.

- *Tiêu cực:* Không đủ trường lớp học đáp ứng nhu cầu phổ cập; không có ddue môi trường vật chất an toàn đáp ứng nhu cầu tới trường của trẻ. Do đó, không

đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất để thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi.

*b) Tác động về xã hội:*

- *Tích cực:* Không có tác động tích cực.

- *Tiêu cực:* Trẻ em không có đủ trường lớp, dẫn đến lo lắng, căng thẳng trong các bậc phụ huynh, gây tình trạng bất bình đẳng giữa các trẻ em; không đảm bảo thực hiện Quyền trẻ em, đặc biệt là trẻ vùng khó khăn, vì chủ yếu trẻ chưa được đến trường lớp là đối tượng trẻ em vùng dân tộc thiểu số, trẻ em con công nhân, trẻ em hộ nghèo, vùng khó khăn bãi ngang ven biển, hải đảo, vùng núi cao.

*c) Tác động về giới:* Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

*d) Tác động về thủ tục hành chính:* Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về thủ tục hành chính mới.

*đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Giải pháp này đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

#### **1.4.2. Giải pháp 2:**

*a) Tác động về kinh tế*

- *Tích cực:*

+ Đối với nhà nước: không có tác động tích cực về mặt kinh tế.

+ Đối với giáo viên mầm non: có tác động tích cực, giáo viên được dạy học trong môi trường đảm bảo an toàn, đầy đủ trang thiết bị và điều kiện chăm sóc, giáo dục trẻ sẽ phấn chấn, yên tâm công tác, thuận tiện trong các hoạt động và nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

- *Tiêu cực:*

+ Đối với nhà nước: sẽ phát sinh chi phí thực hiện chính sách, cụ thể như sau:

**Nhu cầu kinh phí bảo đảm cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng đồ chơi: 18.024,8 tỷ đồng** (Nhu cầu kinh phí bình quân/năm là 3.604 tỷ đồng trong giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030).

*Nội dung chủ yếu:*

. Xây dựng mới 6.149 phòng học đáp ứng đủ phòng học cho các lớp mầm non;

. Thay thế 15.242 phòng bán kiên cố (đảm bảo đến năm 2030 các tỉnh đạt từ 85% phòng học kiên cố trở lên).

. Mua sắm 216 bộ đồ chơi ngoài trời cho các trường mầm non công lập thành lập thêm giai đoạn 2026-2030;

. Mua sắm 1.902 bộ thiết bị, đồ dùng dạy học trong lớp cho các lớp mẫu giáo tăng thêm giai đoạn 2026-2030.



+ Đối với người dân, doanh nghiệp: Không có tác động tiêu cực, do chi từ nguồn ngân sách.

+ Đối với giáo viên mầm non: Không có tác động tiêu cực.

*b) Tác động về xã hội*

- Tích cực: Đảm bảo đủ điều kiện trường lớp cho trẻ đến trường. Trẻ đến trường được chăm sóc, giáo dục trong môi trường an toàn, do đó, chất lượng chăm sóc, giáo dục sẽ tốt hơn, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng nền tảng nhân cách, bảo tồn văn hóa, xã hội.

- Tiêu cực: Phát sinh kinh phí để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường lớp học, mua sắm trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi cho trẻ em.

*c) Tác động về giới:* Không có tác động về giới. Chính sách đảm bảo cân bằng tiếp cận giới, không phát sinh vấn đề bất bình đẳng giới.

*d) Tác động về thủ tục hành chính:* Không phát sinh thủ tục hành chính, việc thực hiện chế độ phụ cấp được chi trả vào lương hàng tháng theo quy định của pháp luật hiện hành.

*đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Giải pháp không vi phạm, ảnh hưởng Luật và các văn bản quy phạm pháp luật nào đang được quy định trong hệ thống pháp luật hiện hành của Việt Nam.

**1.4.3. Giải pháp 3:**

*a) Tác động về kinh tế*

- Tích cực:

+ Đối với nhà nước: không có tác động tích cực về mặt kinh tế.

+ Đối với giáo viên mầm non: có tác động tích cực, giáo viên được dạy học trong môi trường đảm bảo an toàn, đầy đủ trang thiết bị và điều kiện chăm sóc, giáo dục trẻ sẽ phấn chấn, yên tâm công tác, thuận tiện trong các hoạt động và nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ; hỗ trợ được thêm cho các cơ sở GDMN dân lập, tư thục về thiết bị dạy học.

- Tiêu cực:

+ Đối với nhà nước: sẽ phát sinh chi phí thực hiện chính sách, cụ thể như sau:

**Nhu cầu kinh phí bảo đảm cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng đồ chơi: 32.183,2 tỷ đồng** (Nhu cầu kinh phí bình quân/năm là 6.436 tỷ đồng trong giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030 ).

*Nội dung chủ yếu:*

. Xây dựng mới 6.149 phòng học đáp ứng đủ phòng học cho các lớp mầm non;

. Thay thế 32.940 phòng bán kiên cố (đảm bảo đến năm 2030 các tỉnh đạt từ 100% phòng học kiên cố).

. Mua sắm 216 bộ đồ chơi ngoài trời cho các trường mầm non công lập thành lập thêm giai đoạn 2026-2030;

. Mua sắm 1.902 bộ thiết bị, đồ dùng dạy học trong lớp cho các lớp mẫu giáo tăng thêm giai đoạn 2026-2030.

+ Đối với người dân, doanh nghiệp: Không có tác động tiêu cực, do chi từ nguồn ngân sách.

+ Đối với giáo viên mầm non: Không có tác động tiêu cực.

*b) Tác động về xã hội*

- Tích cực: Đảm bảo đủ điều kiện trường lớp cho trẻ đến trường. Trẻ đến trường được chăm sóc, giáo dục trong môi trường an toàn, do đó, chất lượng chăm sóc, giáo dục sẽ tốt hơn, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng nền tảng nhân cách, bảo tồn văn hóa, xã hội.

- Tiêu cực: Phát sinh kinh phí để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường lớp học, mua sắm trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi cho trẻ em.

*c) Tác động về giới:* Không có tác động về giới. Chính sách đảm bảo cân bằng tiếp cận giới, không phát sinh vấn đề bất bình đẳng giới.

*d) Tác động về thủ tục hành chính:* Không phát sinh thủ tục hành chính, việc thực hiện chế độ phụ cấp được chi trả vào lương hàng tháng theo quy định của pháp luật hiện hành.

*đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Giải pháp không vi phạm, ảnh hưởng Luật và các văn bản quy phạm pháp luật nào đang được quy định trong hệ thống pháp luật hiện hành của Việt Nam.

## **2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn**

Trên cơ sở so sánh các giải pháp, Bộ Giáo dục và Đào tạo kiến nghị lựa chọn Giải pháp 2. Thẩm quyền ban hành chính sách là Quốc hội.

## **III. Ý KIẾN THAM VẤN**

Ngày ...../...../2024, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có Công văn số ...../BGDDT-GDMN đề nghị góp ý Dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng dự thảo Nghị quyết lấy ý kiến các Bộ, ngành, UBND các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó có 04 Bộ bắt buộc phải lấy ý kiến theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 là: Tư pháp, Tài chính, Ngoại giao, Nội vụ. Đồng thời, hồ sơ đề nghị đã được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ và Bộ Giáo dục và Đào tạo để lấy ý kiến rộng rãi của các cơ quan, tổ chức, cá nhân. Trên cơ sở các ý kiến góp ý, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ đề nghị, trong đó có Báo cáo đánh giá tác động.

## **IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ**

- Cơ quan giám sát: Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, đại biểu Quốc hội giám sát thi hành Luật. Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi thực hiện thí điểm giám sát việc triển khai thi hành Nghị quyết trong phạm vi địa phương.

- Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách: Chính phủ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi thực hiện thí điểm.

Trên đây là nội dung Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi đáp ứng yêu cầu triển khai, thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII và Thông báo số 173/TB-VPCP ngày 22/4/2024 của Văn phòng Chính phủ.

Bộ Giáo dục và Đào tạo trân trọng báo cáo Chính phủ./.

***Nơi nhận:***

- Chính phủ;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Vụ KGVX, VPCP;
- Lưu: VT, GDMN (05).

**BỘ TRƯỞNG**

**Nguyễn Kim Sơn**